

— Nếu thường xuyên làm việc ở nơi bình thường thì tính trên mức lương bình thường.

— Nếu thường xuyên làm việc ở nơi độc hại, hoặc đặc biệt độc hại thì tính trên mức lương độc hại, hoặc đặc biệt độc hại.

### III. ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN ĐỀ XÉT CÔNG NHẬN THỢ ĐẶC BIỆT GIỎI

1. Điều kiện đề xét công nhận « thợ đặc biệt giỏi » là những công nhân đã được xếp bậc cuối cùng của thang lương căn cứ trên tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật hiện hành (xếp vào bậc 7 đối với các thang lương 7 bậc, vào bậc 6 đối với các thang 6 bậc).

2. Tiêu chuẩn đề được công nhận thợ đặc biệt giỏi là những công nhân đang phát huy tốt năng lực của mình trong sản xuất, có nhiều kinh nghiệm thực tế và sáng kiến trong việc giải quyết những khó khăn về kỹ thuật sản xuất, về cải tiến và hoàn thiện quy trình công nghệ, hoặc đưa ra các biện pháp khắc phục các sự cố phát sinh đột xuất trong quá trình sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ vào điều kiện và tiêu chuẩn quy định trên, xí nghiệp lập Hội đồng xếp lương xét duyệt danh hiệu thợ đặc biệt giỏi. Thành phần của Hội đồng do Giám đốc quy định. Sau khi có đề nghị của Hội đồng xếp lương, Giám đốc xí nghiệp bàn bạc với Công đoàn cùng cấp và quyết định những công nhân được công nhận là thợ đặc biệt giỏi.

Những công nhân được công nhận thợ đặc biệt giỏi được hưởng phụ cấp thợ đặc biệt giỏi trong thời hạn tối đa là 2 năm.

Sau thời hạn đó, Hội đồng xếp lương của xí nghiệp tiến hành xét duyệt lại và đề nghị lên Giám đốc xí nghiệp. Nếu tiếp tục công nhận là thợ đặc biệt giỏi thì tiếp tục hưởng phụ cấp, nếu không còn được công nhận, thì thôi không hưởng phụ cấp nữa.

Trường hợp sau khi được công nhận là thợ đặc biệt giỏi bị ốm kéo dài, hoặc chuyển đi làm công việc khác, thì không được hưởng phụ cấp thợ đặc biệt giỏi.

Khi được công nhận thợ đặc biệt giỏi thì ngoài việc được hưởng phụ cấp thợ đặc biệt giỏi, vẫn được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1-5-1986. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc đề nghị các Bộ, các địa phương phản ánh về Bộ Lao động để nghiên cứu giải quyết.

Bộ trưởng Bộ Lao động  
ĐÀO THIÊN THI

TỔNG CỤC HẢI QUAN

**THÔNG TƯ** của Tổng cục Hải quan số 1569 – TCHQ/PC ngày 22-10-1986 hướng dẫn thi hành Nghị định số 104-HĐBT ngày 8-9-1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi Nghị định số 46-HĐBT ngày 10-5-1983 quy định việc xử lý bằng biện pháp hành chính các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

Thi hành Nghị định số 104-HĐBT ngày 8-9-1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi Nghị định số 46-HĐBT ngày 10-5-1983 quy định việc xử lý bằng biện pháp

hành chính các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép ;

Căn cứ Nghị định số 139-HĐBT ngày 20-10-1984 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Tổng cục Hải quan ;

Căn cứ Thông tư số 1090-TCHQ/TH ngày 19-10-1985 của Tổng cục Hải quan hướng dẫn thi hành Nghị định số 46-HĐBT ngày 10-5-1983 của Hội đồng Bộ trưởng ;

Sau khi thống nhất với Bộ Tư pháp, Tổng cục Hải quan hướng dẫn đề các cấp Hải quan thực hiện thống nhất việc xử lý bằng biện pháp hành chính đối với các vi phạm nhỏ về buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, như sau :

1. Sửa đổi mức tiền quy định trong Thông tư số 1090-TCHQ/TH ngày 19-10-1985 của Tổng cục Hải quan :

a) Tại điểm 2, phần I, nay quy định lại là : « dưới hai mươi nghìn (20.000) đồng (tiền ngân hàng mới) ».

b) Tại điểm 1. 1, phần II, nay quy định lại là : « nhiều nhất là một nghìn (1.000) đồng (tiền ngân hàng mới) ».

c) Tại điểm 1.2 phần II, nay quy định lại là : « dưới một nghìn (1000) đồng (tiền ngân hàng mới) ».

d) Tại điểm 2.2, phần II, nay quy định lại là : « dưới hai mươi nghìn (20.000) đồng (tiền ngân hàng mới) ».

2. Từ nay đối với các vụ phạm pháp hải quan có trị giá trên hai mươi nghìn (20.000) đồng (tiền ngân hàng mới) và đối với các vụ tuy trị giá hàng phạm pháp dưới hai mươi nghìn (20.000) đồng (tiền ngân hàng mới) nhưng có đủ những yếu tố cấu thành tội phạm như xuất nhập lậu các loại tân dược giả, thuốc phiện, các loại ma túy và các mặt hàng quốc cấm khác ;

buôn lậu qua biên giới có tổ chức tinh vi ; có liên quan đến an ninh chính trị ; người vi phạm đã có tiền án, tiền sự, hoặc khi bị phát hiện có hành động chống lại các bộ, chiến sĩ hải quan làm nhiệm vụ, v.v... thì Hải quan làm công văn và chuyển toàn bộ hồ sơ sang Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong các trường hợp này đều đồng gửi một bản về Tổng cục Hải quan để báo cáo.

3. Đối với các vụ khó xác định là vi phạm nhỏ hay là tội phạm về buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, thì Hải quan tỉnh, thành phố đặc khu trực thuộc Trung ương phải trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Nếu Viện kiểm sát nhân dân xét thấy không cần truy cứu trách nhiệm hình sự thì Viện kiểm sát có văn bản trả lời cho phép Hải quan xử lý hành chính. Nếu Viện kiểm sát thấy cần truy cứu trách nhiệm hình sự thì Hải quan phải chuyển toàn bộ hồ sơ, tang vật phạm pháp cho Viện kiểm sát nhân dân để giải quyết.

4. Về thủ tục xử lý hành chính, phải tuân theo đúng những nguyên tắc và thủ tục tổ tụng của ngành Hải quan và quy định của Thông tư liên Bộ số 1-TTLB ngày 25-1-1984 của liên Bộ Tư pháp và Tài chính.

5. Sau khi xử lý hành chính phải gửi một bản quyết định xử lý cho cơ quan Tài chính cùng cấp để theo dõi việc thi hành các mặt có liên quan, một bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và một bản về Tổng cục Hải quan để báo cáo.

6. Những điểm khác trong Thông tư số 1090-TCHQ/TH ngày 19-10-1985 của Tổng cục Hải quan vẫn có giá trị thi hành.

Những vụ vi phạm luật lệ hải quan xảy ra trước khi ban hành Thông tư này mà

chưa xử lý thì nay xử lý theo tinh thần Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành.

**Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan**  
**NGUYỄN TÀI**

**QUYẾT ĐỊNH** của Tổng cục Hải quan số 1592-TCHQ/PC ngày 25-10-1986 về việc ban hành Bản Quy chế hải quan đối với hàng của nước ngoài đưa vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để triển lãm.

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC**  
**HẢI QUAN**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981 ;

Căn cứ Nghị định số 139-HĐBT ngày 30-10-1984 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức Tổng cục Hải quan ;

Căn cứ Nghị định số 3-CP ngày 27-2-1960 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ hải quan ;

Theo đề nghị của đồng chí Cục trưởng Cục Giám quản Tổng cục Hải quan ;

Sau khi trao đổi với các Bộ Ngoại thương và Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo Quyết định này Bản Quy chế hải quan

đối với hàng của nước ngoài đưa vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để triển lãm.

Điều 2. — Bản Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Các đồng chí Chánh văn phòng, Cục trưởng Cục Giám quản, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch — Tài vụ, — Tổng cục Hải quan và Giám đốc Hải quan các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

Phó Tổng cục trưởng  
**LÂM VĂN EỌ**

**QUY CHẾ HẢI QUAN** đối với hàng của nước ngoài đưa vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để triển lãm.

(ban hành kèm theo Quyết định số 1592-TCHQ/PC ngày 25-10-1986 của Tổng cục Hải quan).

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. — Hàng của nước ngoài đưa vào nước Việt Nam để triển lãm phải được Tổng cục Hải quan nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép.

Hàng hóa nói trên là loại hàng tạm nhập nên thuộc loại hàng phải tái xuất.

Điều 2. — Khi tạm nhập và tái xuất cũng như trong quá trình vận chuyển và trưng bày tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa